

# Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050

Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022

***Người trình bày: Phạm Văn Tấn***

*Hà Nội, ngày 22/11/2022*

## Bối cảnh, xu thế và dự báo – Bối cảnh quốc tế

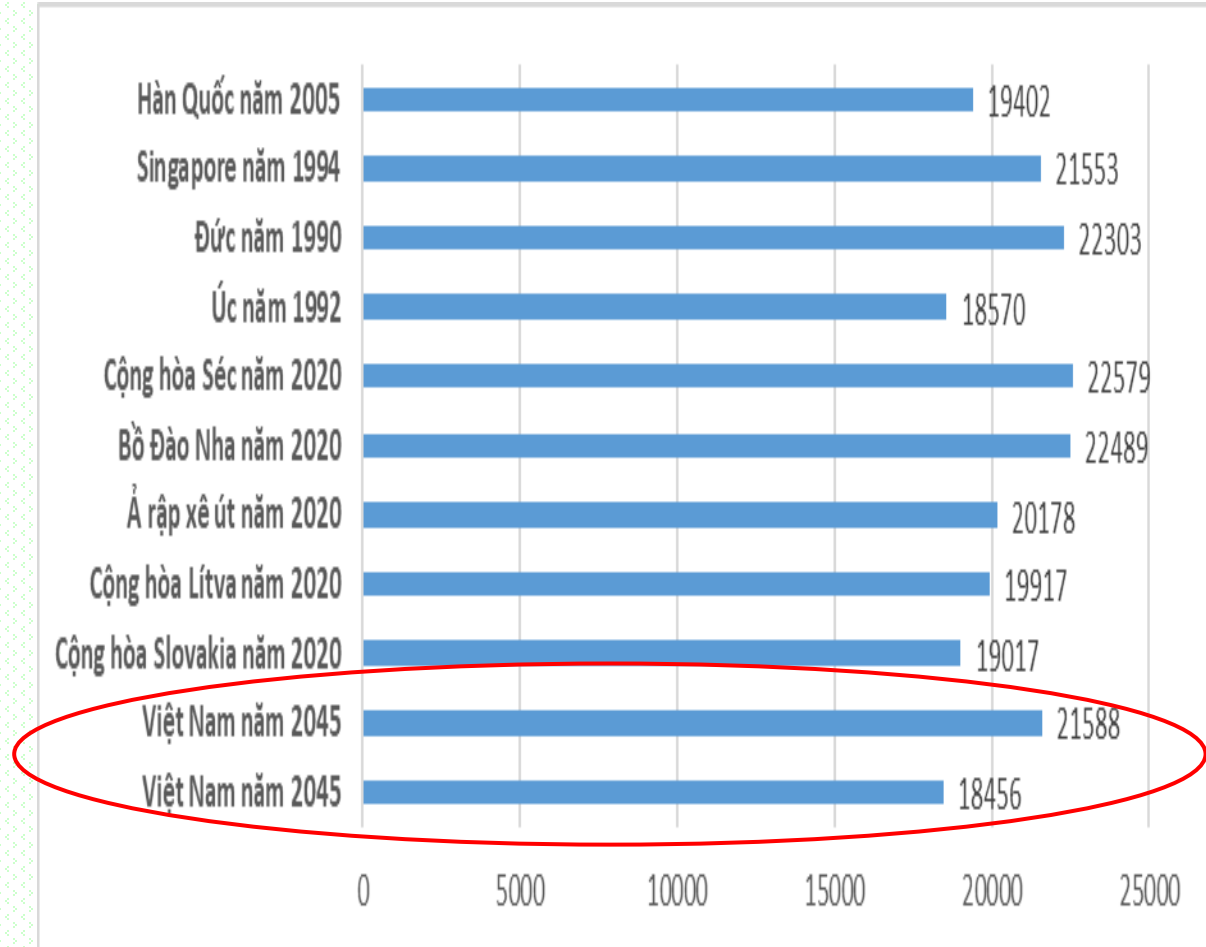
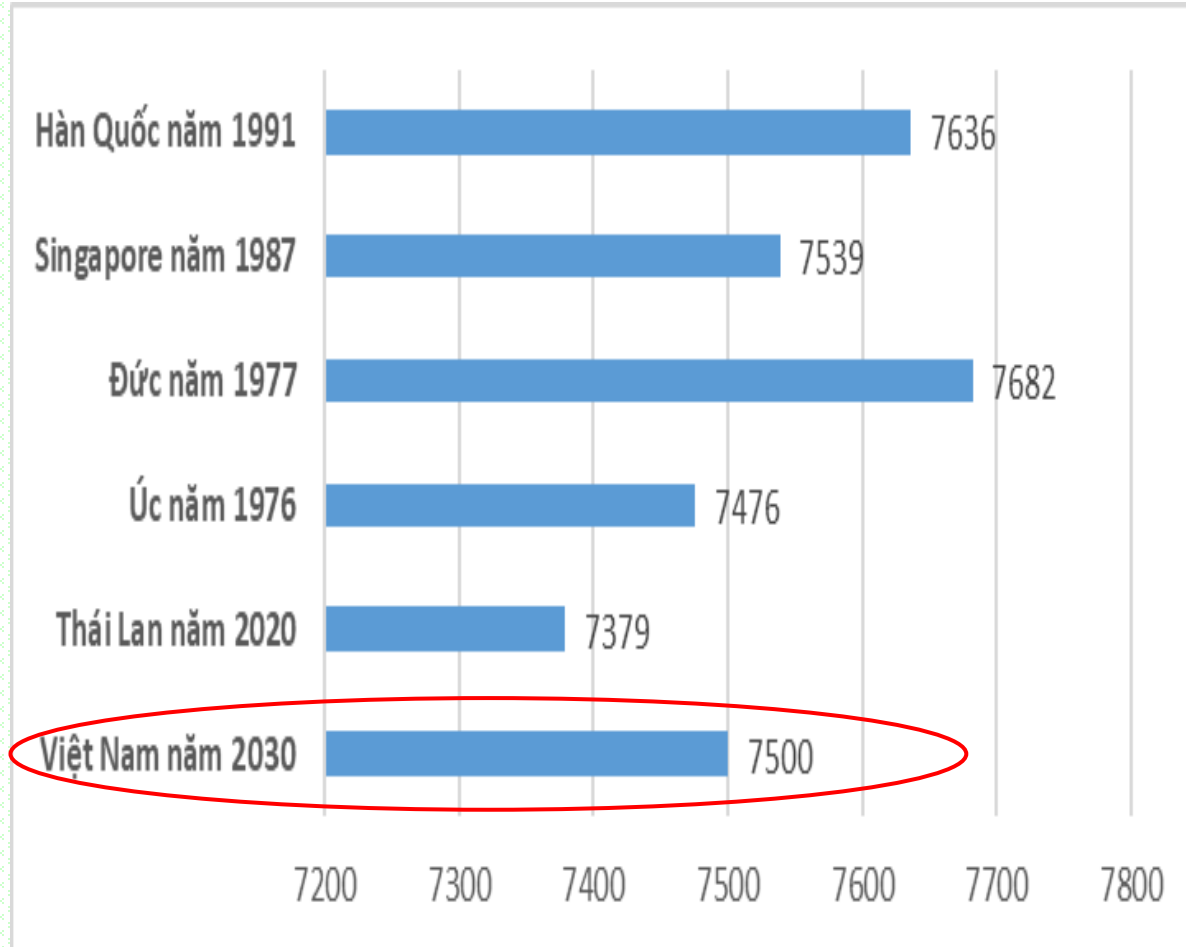
1. **BĐKH diễn ra mạnh mẽ** trên toàn cầu đã và đang tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống xã hội và phát triển bền vững của hành tinh. Ứng phó với BĐKH đã trở thành **yêu cầu cấp bách, là nhiệm vụ ưu tiên** của nhiều quốc gia, tổ chức trên thế giới.
  2. Thỏa thuận Paris có hiệu lực, theo đó **từ năm 2021 trở đi**, tất cả các quốc gia phải có **trách nhiệm pháp lý** trong giảm phát thải khí nhà kính, **thực hiện NDC**. Việc thực hiện ứng phó và hỗ trợ cho **ứng phó BĐKH** của các quốc gia phải được đặt ở vị trí trung tâm, hướng tới thực hiện mục tiêu toàn cầu; được thực hiện một cách **minh bạch, chịu sự giám sát, đánh giá của quốc tế**.
  3. Phát triển các-bon thấp hướng tới **phát ròng bằng "0" vào năm 2050** đã trở thành xu thế phát triển tất yếu của nhân loại. **Tại COP26**, lần đầu tiên thế giới đưa ra được lộ trình cắt giảm phát thải khí nhà kính mạnh mẽ. Để thực hiện lộ trình này, đòi hỏi tất cả các quốc gia phải nhanh chóng chuyển đổi sang phát triển phát thải thấp.
- Ứng phó với **BĐKH đã chuyển sang một giai đoạn mới**, đòi hỏi Việt Nam phải tham gia sâu và thực chất vào nỗ lực chung của toàn cầu.

# Bối cảnh, xu thế và dự báo – Bối cảnh trong nước

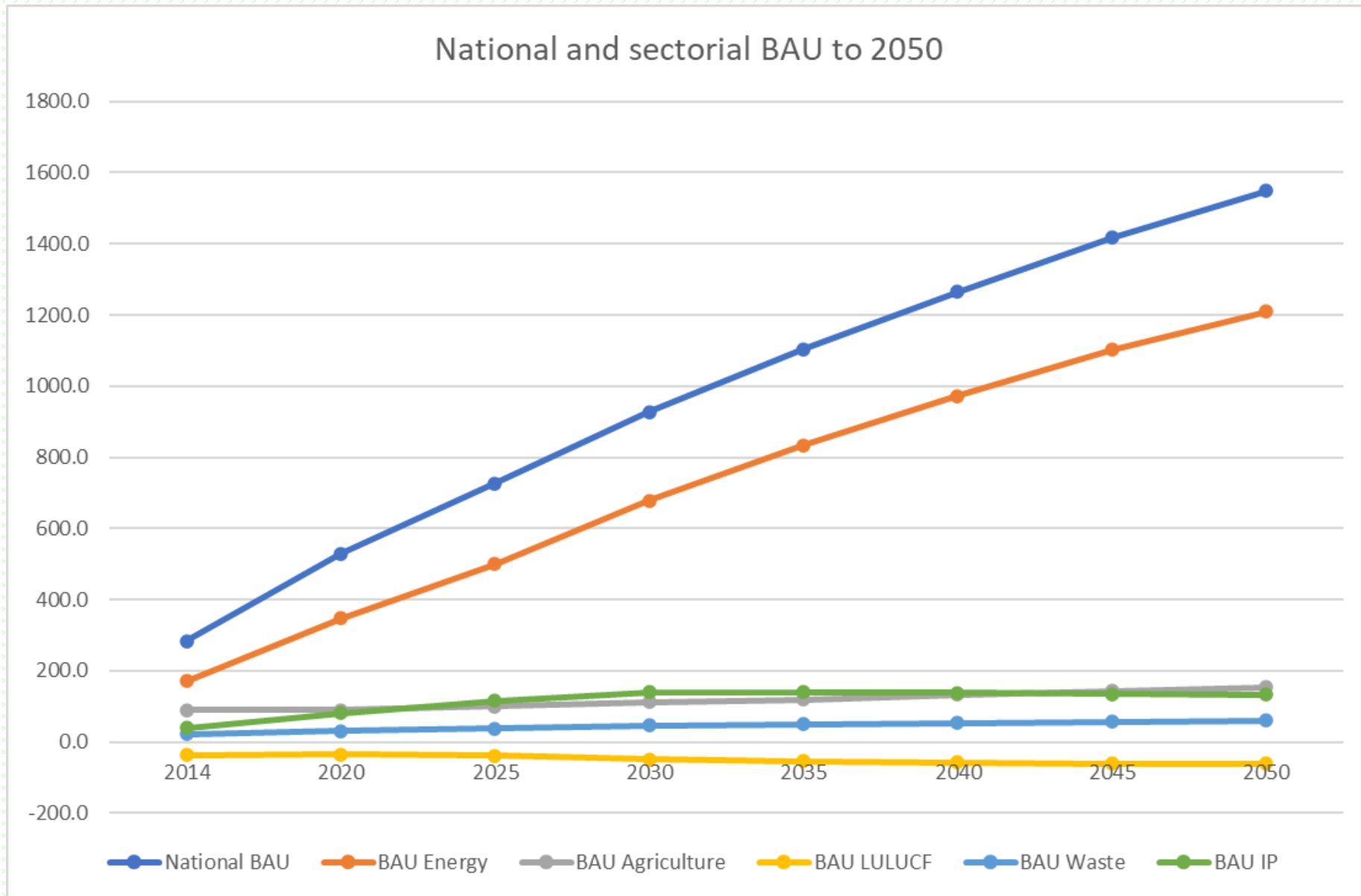
1. Từ năm 2011, **nhều Luật, Chiến lược, chính sách về BĐKH** đã được ban hành, các chương trình hành động quốc gia, cấp ngành, địa phương cũng từng bước được xây dựng và triển khai thực hiện
2. **Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng** đã xác định mục tiêu: đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao
3. Các quyết tâm, cam kết mạnh mẽ và những ý kiến đóng góp có trách nhiệm của Việt Nam tại COP26 được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, mở ra nhiều **cơ hội hợp tác về tăng trưởng ít phát thải, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, thích ứng với BĐKH**
4. Luật BVMT 2020 với một chương quy định về ứng phó với BĐKH; NDC trình Liên Hợp quốc năm 2020 với các cam kết cụ thể về thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải KNK thực hiện Thỏa thuận Paris...

# So sánh GDP/người với một số quốc gia

Theo dự báo, **đến 2030**, GDP/người ở Việt Nam 7500USD; đến 2045 từ 18000 đến 21500 USD



# Phát thải của VN theo BAU



# Quan điểm Chiến lược

- 1) Thích ứng với BĐKH và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” là cơ hội để phát triển bền vững, ưu tiên cao nhất trong các quyết sách phát triển, tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân. *(Vị trí)*
- 2) Ứng phó với BĐKH được thực hiện trên nguyên tắc công lý, công bằng, với cách tiếp cận toàn cầu và toàn dân; dựa trên thể chế đồng bộ, chính sách, pháp luật hiệu lực và hiệu quả, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy nội lực và hợp tác quốc tế; góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ, tích cực hội nhập. *(Phương thức)*
- 3) Ứng phó với BĐKH là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, của mỗi người dân và toàn xã hội. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt; người dân và doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm và là chủ thể thực hiện cùng với sự tham gia hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội. *(Trách nhiệm)*
- 4) Triển khai các giải pháp cấp bách giảm mức độ dễ bị tổn thương, tăng cường sức chống chịu trước tác động của BĐKH; ưu tiên cao nhất bảo đảm an toàn, sinh kế cho người dân ở những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề; tập trung phát triển hạ tầng ứng phó với BĐKH, chuyển dịch năng lượng dựa trên tiềm năng, lợi thế của vùng, miền. *(Ưu tiên)*
- 5) Tập trung nguồn lực cho ứng phó với BĐKH, phát triển các cơ chế tài chính, thị trường các-bon, thúc đẩy chuyển dịch đầu tư cho phát triển kinh tế ít phát thải; phát huy nguồn lực của Nhà nước thúc đẩy thu hút các nguồn lực của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, nguồn lực quốc tế, đẩy mạnh hợp tác công tư trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. *(Nguồn lực)*

# Mục tiêu của Chiến lược

**Mục tiêu tổng quát:** Chủ động **thích ứng hiệu quả**, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do BĐKH; **giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050**, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; **tận dụng cơ hội** từ ứng phó BĐKH để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

## Mục tiêu cụ thể:

- 1) Thích ứng với BĐKH:** Giảm mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước tác động của BĐKH thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH ==>**chi tiết đến 2030, 2050**
- 2) Giảm phát thải khí nhà kính:** Nỗ lực đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tích cực đóng góp có trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế

# Giảm nhẹ phát thải đến 2030

Bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia **giảm 43,5%** so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Trong đó:

- **Lĩnh vực năng lượng giảm 32,6%**, lượng phát thải không vượt quá 457 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương (CO<sub>2</sub>tđ)
- **Lĩnh vực nông nghiệp giảm 43,0%**, lượng phát thải không vượt quá 64 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ
- **Lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 70%** lượng phát thải và **tăng 20% lượng hấp thụ** các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -95 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ
- **Lĩnh vực chất thải giảm 60,7%**, lượng phát thải không vượt quá 18 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 38,3%, lượng phát thải không vượt quá 86 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ
- **Các cơ sở có mức phát thải** khí nhà kính hằng năm từ 2.000 tấn CO<sub>2</sub>tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính

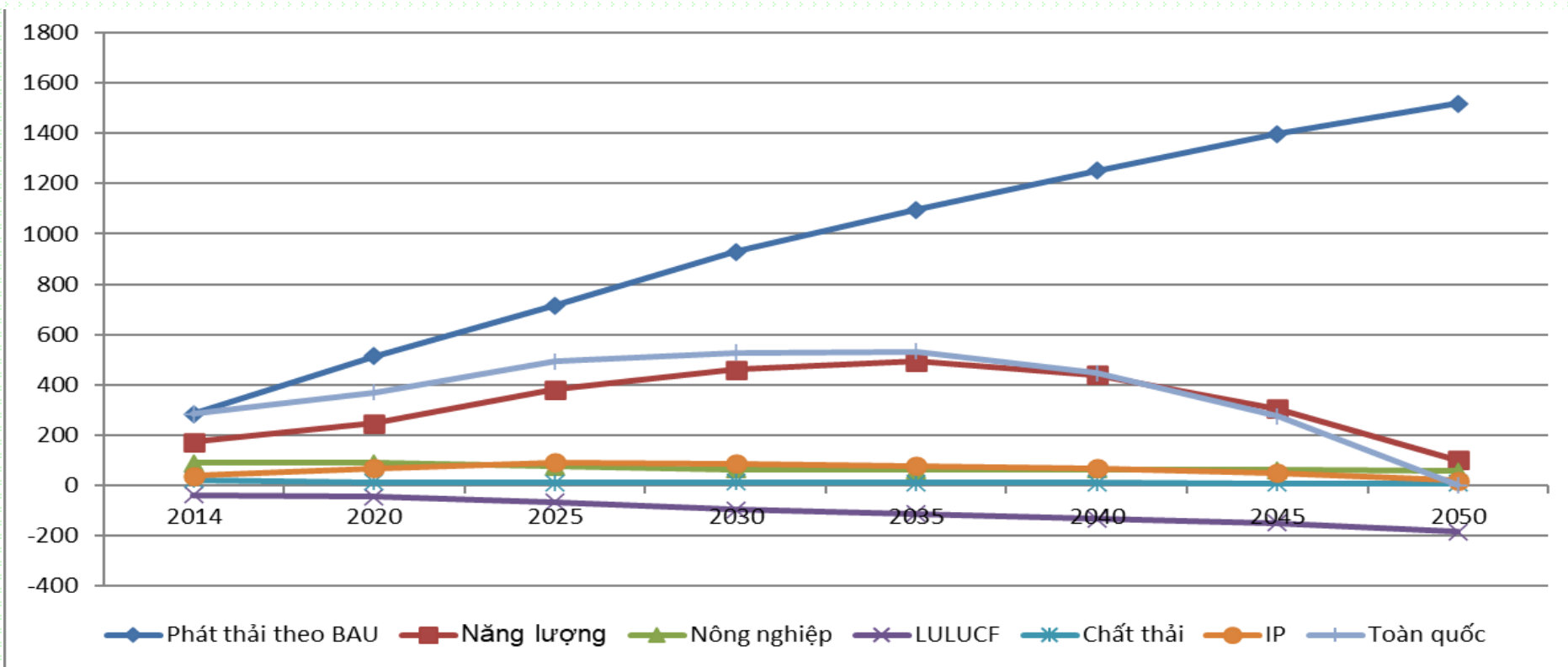


## Giảm nhẹ phát thải đến 2050

Bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia đạt mức **phát thải ròng bằng “0”**; lượng **phát thải đạt đỉnh vào năm 2035**, sau đó giảm nhanh. Trong đó:

- **Lĩnh vực năng lượng giảm 91,6%**, lượng phát thải không vượt quá 101 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ; lĩnh vực nông nghiệp giảm 63,1%, lượng phát thải không vượt quá 56 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ;
- **Lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 90%** lượng phát thải, **tăng 30% lượng hấp thụ** các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -185 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ;
- **Lĩnh vực chất thải giảm 90,7%**, lượng phát thải không vượt quá 8 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 84,8%, lượng phát thải không vượt quá 20 triệu tấn CO<sub>2</sub>tđ.
- **Các cơ sở có mức phát thải** khí nhà kính hằng năm từ 200 tấn CO<sub>2</sub>tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

# Giảm phát thải khí nhà kính đến 2050



	2014	2020	2025	2030	2035	2040	2045	2050	Chi phí 2021-2050 (tr USD)
Phát thải theo BAU	284,0	513,3	716,5	928,0	1.096,0	1.252,5	1.396,7	1.519,3	
Lĩnh vực Năng lượng	171,6	247,0	380,7	461,1	493,4	438,8	305,0	101,0	277.590,9
Lĩnh vực Nông nghiệp	89,8	88,3	75,3	63,9	62,2	63,8	61,5	56,4	36.630,6
Lĩnh vực LULUCF	-37,5	-45,9	-65,6	-95,3	-112,4	-134,0	-149,6	-185,2	8.521,2
Lĩnh vực Chất thải	21,5	13,1	9,8	11,8	10,8	9,8	8,8	7,8	1.581,9
Lĩnh vực IP	38,6	67,3	91,9	86,5	78,1	68,0	50,0	20,0	49.392,5
Phát thải	284,0	369,8	492,1	528,0	532,1	446,4	275,7	0,0	373.717,1

# Các giải pháp thực hiện mục tiêu thích ứng

- **Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững**
  - Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên
  - *Nông nghiệp và an ninh lương thực*
  - *Rừng và các hệ sinh thái*
  - *Phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH*
  - *Y tế và sức khỏe*
  - *Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới*
- **Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH**
  - *Dự báo và cảnh báo sớm*
  - *Công trình phòng chống thiên tai*
  - *Di dời dân ở khu vực có rủi ro cao trước tác động của BĐKH*

# Các giải pháp thực hiện mục tiêu giảm phát thải

- Thực hiện KKKNK và giảm phát thải KNK đối với các cơ sở phát thải hằng năm từ 3.000 tấn CO<sub>2</sub>tđ trở lên từ 2022, 2.000 tấn CO<sub>2</sub>tđ trở lên từ năm 2030; 500 tấn CO<sub>2</sub>tđ trở lên từ năm 2040; 200 tấn CO<sub>2</sub>tđ trở lên từ năm 2050,
- Xây dựng tổng hạn ngạch phát thải KNK QG và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cho các cơ sở từ năm 2026
- XD CSDL trực tuyến, hệ số phát thải đặc trưng quốc gia,
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm 30% khí mê tan, thực hiện lộ trình phát thải ròng về “0”, loại trừ chất ODS
- 42 biện pháp áp dụng cho lĩnh vực năng lượng
- 21 biện pháp lĩnh vực nông nghiệp
- 7 biện pháp lĩnh vực LULUCF
- 7 biện pháp lĩnh vực chất thải
- 10 biện pháp lĩnh vực IP

# Các giải pháp thể chế chính sách

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, trong đó có Luật BDKH
- Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng
- Phát triển nguồn nhân lực
- Phát triển khoa học và công nghệ
- Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với BDKH
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với BDKH

# Một số công việc đã triển khai thực hiện sau khi Chiến lược được phê duyệt

- **Cập nhật NDC** của Việt Nam (lần 2), trình UNFCCC ngày **8/11/2022**, chuyển mục tiêu Chiến lược đến 2030 thành cam kết quốc gia
  - Giảm phát thải KNK: giảm 43,5% so với BAU, trong đó đóng góp không điều kiện là 15,8%; hỗ trợ quốc tế 27,7%, nguồn lực cần thêm đến 2030 là 86,8 tỷ US\$
  - Thích ứng BĐKH: thực hiện các dự án, chương trình chuyển đổi, phát triển cơ sở hạ tầng
- Đàm phán chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP)
- Phê duyệt kế hoạch giảm 30% khí mê-tan
- **Các hoạt động nổi bật của Việt Nam tại COP27** liên quan đến NDC, giảm phát thải mê-tan, huy động nguồn lực

Trân trọng cảm ơn